

Số: 468 /CSDP - KTTV

Ngày 20 tháng 07 năm 2023

V/v giải trình báo cáo kết quả kinh doanh
tổng hợp quý II -2023

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
(QUÝ II - 2023)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	TM	QUÝ II/2022	QUÝ II/2023	CHÈNH LỆCH	%
		số					
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2	VI.25	174.251.486.485	68.372.379.431	(105.879.107.054)	39,24
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	10					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 10 - 01)	11		174.251.486.485	68.372.379.431	(105.879.107.054)	39,24
4	Giá vốn hàng bán	20	VI.27	107.516.898.161	43.852.803.021	(63.664.095.140)	40,79
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	21		66.734.588.324	24.519.576.410	(42.215.011.914)	36,74
6	Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.26	11.694.042.536	39.190.263.540	27.496.221.004	335,13
7	Chi phí tài chính	23	VI.28	2.478.949.480	(8.988.953)	(2.487.938.433)	(0,36)
8	Trong đó: Chi phí lãi vay	25					
9	Chi phí bán hàng	26		1.472.120.797	1.260.989.594	(211.131.203)	85,66
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30		10.280.658.356	18.352.064.824	8.071.406.468	178,51
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25) }	31		64.196.902.227	44.105.774.485	(20.091.127.742)	68,70
12	Thu nhập khác	32		11.700.610.265	10.788.223.485	(912.386.780)	92,20
13	Chi phí khác	40		2.924.680.033	5.583.740.930	2.659.060.897	190,92
14	Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	50		8.775.930.232	5.204.482.555	(3.571.447.677)	59,30
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (=30+40)	51		72.972.832.459	49.310.257.040	(23.662.575.419)	67,57
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	52	VI.30	12.859.969.568	5.865.446.448	(6.994.523.120)	45,61
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	60	VI.30				
18	Lợi nhuận sau thuế TNDN (=50-51-52)	70		60.112.862.891	43.444.810.592	(16.668.052.299)	72,27
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	71		1.398	1.005		
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)			699	501		

Giải Trình:

Trong Quý II/2022: Sản lượng tiêu thụ là: 2.620,5 tấn; Giá bán bình quân: 43.147.084 VND/tấn.

Trong Quý II/2023: Sản lượng tiêu thụ là: 1.123,02 tấn; Giá bán bình quân: 34.261.945 VND/tấn.

Do:

- + Sản lượng tiêu thụ quý II/2023 thấp hơn quý II/2022. Và giá bán bình quân thấp hơn quý II/2022. (giá bán bình quân quý II/2023 giảm: 8.885.139VND/tấn hay giảm: 20,59 % so với quý II/2022).
- + Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh quý II/2023 giảm: 20.091.127.742 VND hay giảm 31,30% so với quý II/2022. (do sản lượng mủ cao su tiêu thụ và giá bán bình quân mủ cao su giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước).
- + Lợi nhuận khác quý II/2023 giảm : 3.571.447.677 VND hay giảm 40,70 % so với quý II/2022.

Do đó, lợi nhuận sau thuế quý II/2023 giảm : 16.668.052.299 VND hay giảm : 27,73% so với quý II/2022. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, N.Vu(b)

